

cuộc họp của ASEAN trong lĩnh vực cơ quan mình quản lý báo cáo kết quả các cuộc họp và cung cấp đầy đủ tài liệu cho Tiểu ban để Tiểu ban tổng hợp trình Ủy ban.

#### 6. Chế độ làm việc của các Tiểu ban:

- Các Tiểu ban họp định kỳ 2 tháng 1 lần. Khi cần thiết, Trưởng Tiểu ban có thể triệu tập các cuộc họp bất thường. Các khuyến nghị của các Tiểu ban trình lên Ủy ban được thông qua theo nguyên tắc nhất trí.

- Trước mỗi phiên họp định kỳ của Ủy ban, hai Tiểu ban họp chung để chuẩn bị nội dung cho phiên họp của Ủy ban. Văn phòng Ủy ban có thể triệu tập các cuộc họp chung bất thường khi cần thiết.

#### Điều 6.- Văn phòng Ủy ban Quốc gia về ASEAN:

1. Văn phòng Ủy ban Quốc gia về ASEAN là cơ quan giúp việc của Ủy ban. Văn phòng Ủy ban Quốc gia về ASEAN gồm các cán bộ chuyên trách có biên chế thuộc Văn phòng Chính phủ do 1 Vụ trưởng phụ trách.

2. Văn phòng Ủy ban Quốc gia về ASEAN có chức năng giúp Chủ tịch và các ủy viên Ủy ban trong việc tổ chức điều phối các cơ quan tham gia các hoạt động của ASEAN.

3. Văn phòng Ủy ban Quốc gia về ASEAN có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị nội dung và tổ chức các kỳ họp của Ủy ban Quốc gia về ASEAN theo kế hoạch đã được Ủy ban Quốc gia thông qua, các buổi làm việc của Chủ tịch Ủy ban và các ủy viên Ủy ban.

- Tổ chức phối hợp, hướng dẫn và đôn đốc các bộ phận chuyên trách về ASEAN của các cơ quan tham gia các hoạt động, hợp tác và thực hiện các nghĩa vụ trong ASEAN. Theo dõi việc thực hiện các ý kiến kết luận của các phiên họp của Ủy ban Quốc gia về ASEAN.

- Tổng hợp kế hoạch tham gia các hoạt động của ASEAN do các cơ quan lập để trình Ủy ban Quốc gia về ASEAN phê duyệt, quyết định.

- Theo dõi các chương trình, đề tài nghiên cứu về ASEAN; tổ chức báo cáo chuyên đề với Ủy ban Quốc gia về ASEAN về các vấn đề cần thiết cho công tác của Ủy ban.

- Theo dõi công tác đào tạo cán bộ và việc trang bị phương tiện làm việc cho các bộ phận

chuyên trách về ASEAN của các cơ quan, nhằm phục vụ hoạt động của Việt Nam trong ASEAN có hiệu quả.

Điều 7.- Kinh phí hoạt động của Ủy ban Quốc gia về ASEAN do Bộ Tài chính cấp từ nguồn ngân sách thông qua Văn phòng Chính phủ. Văn phòng Chính phủ bảo đảm kinh phí, phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của Ủy ban Quốc gia về ASEAN.

Thủ tướng Chính phủ  
VÕ VĂN KIỆT

### **QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 97-TTg ngày 9-2-1996 về việc đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Tam Điệp - Ninh Bình.**

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 177-CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (các Công văn số 13-VP4 ngày 26-1-1995; số 79-VP4 ngày 20-6-1995; số 106-VP4 ngày 21-8-1995; số 135-VP4 ngày 25-9-1995; số 157-VP4 ngày 11-10-1995; số 170-VP4 ngày 25-10-1995; số 220-VP4 ngày 20-12-1995; số 10-VP4 ngày 29-1-1996) và đề nghị của Hội đồng Thẩm định cấp Nhà nước (Công văn số 1002-UB/VPTĐ ngày 7-4-1995); của Hội đồng Xét thầu quốc gia (Công văn số 249-BKH/VPXTQG ngày 18-11-1995); của Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư (Công văn số 1 - HĐTD ngày 30-12-1995); của Bộ Xây dựng (Công văn số 11 - BXD/NLXD ngày 31-1-1996),*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Tam Điệp - Ninh Bình với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Nhà máy Xi măng Tam Điệp - Ninh Bình.

2. Công suất thiết kế và thiết bị công nghệ:

- 4000 tấn Clinker/ngày tương ứng 1,4 triệu tấn xi măng/năm;

- Sản phẩm chính: PC30, PC40, PC50 (TCVN 2682 - 92).

Xi măng sản xuất bằng lò quay theo phương pháp khô. Công nghệ, thiết bị sản xuất, kiểm tra, đo lường vào loại tiên tiến của thế giới.

Một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tiêu hao nhiệt năng: 730 - 750 KCal/tấn Clinker.

- Tiêu hao điện năng: 96 Kwh/tấn xi măng.

- Nhiên liệu sử dụng: 100% than Antra xit Quảng Ninh.

- Nồng độ bụi thải ra qua đầu thiết bị lọc bụi, khí thải, chất thải bảo đảm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

- Lao động: 585 người.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Quang Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

4. Chủ đầu tư: Công ty Xi măng tỉnh Ninh Bình.

5. Nguồn nguyên liệu chính và vận tải:

- Đá vôi: Mỏ đá vôi Hang Nước, trữ lượng 239 triệu tấn.

- Đất sét: Mỏ sét Quyền Cây, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, trữ lượng tính từ cốt + 50m trở lên khoảng 21,2 triệu tấn.

- Xi Pyrit: Lấy tại Nhà máy Super phốt phát Lâm Thao Vĩnh Phú.

- Nhiên liệu: Nung Clinker dùng than cám 3 và 4A Quảng Ninh.

- Điện: Lấy từ lưới điện quốc gia tuyến 110Kv.

- Nước: Lấy từ các mỏ nước ngầm.

- Vận chuyển nguyên vật liệu bằng ô-tô và tàu hỏa.

- Vận chuyển than từ Quảng Ninh bằng đường thủy về cảng Ninh Phúc và tiếp chuyển bằng ô-tô hoặc tàu hỏa về nhà máy.

- Vận chuyển xi măng xuất xưởng khoảng 50% bằng ô-tô hoặc tàu hỏa tới các địa điểm ở cự ly gần và 50% bằng đường thủy đi các vùng miền Trung, miền Nam hoặc xuất khẩu.

6. Quy mô và kết cấu xây dựng công trình:

a) Tổng diện tích sử dụng đất của nhà máy: 482.000m<sup>2</sup>

Trong đó:

- Diện tích đất để xây dựng công trình (trong hàng rào): 370.000m<sup>2</sup>,

- Diện tích đất xây dựng đường, bãi: 75.500m<sup>2</sup>.

b) Cấp công trình: Cấp II.

c) Bậc chịu lửa:

- Bậc I (TCVN) đối với các hạng mục công trình để có nguy cơ cháy nổ.

- Bậc II (TCVN) đối với các công trình còn lại.

d) Kết cấu công trình: Khung cột bê tông cốt thép hoặc bằng thép phù hợp với tính năng sử dụng của từng hạng mục công trình.

7. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án:

Thực hiện các Văn bản số 2378/KTN ngày 29-4-1995, số 3494-KTN ngày 27-6-1995, số 3614-KTN ngày 4-7-1995 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu lưu ý các kiến nghị của Hội đồng Xét thầu quốc gia tại Văn bản số 249-BKH/VPXTQG ngày 18-10-1995, Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư tại Văn bản số 1-HĐTD ngày 30-12-1995, Văn bản của Thủ tướng Chính phủ số 117-KTN ngày 6-1-1996 và các kiến nghị cụ thể của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 11-BXD/VLXD ngày 31-1-1996, chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án, chịu trách nhiệm về các kết quả đàm phán với đối tác nước ngoài, tổ chức đấu thầu xây lắp và chế tạo thiết bị do phía Việt Nam sản xuất, có chủ nhiệm điều hành dự án để bảo đảm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình.

8. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

a) Tổng mức đầu tư ước tính với mức tối đa là 252 triệu USD theo tỷ giá hiện nay (tương đương 180 USD cho mỗi tấn công suất xi măng), gồm các khoản vay nước ngoài, các nguồn vốn trong nước, lãi vay trong thời gian xây dựng, phí thu xếp tài chính và bảo hiểm vốn vay nước ngoài. Tổng mức đầu tư phải được chuẩn xác lại cụ thể trên cơ sở thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, kết

quả đấu thầu xây lắp và gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí trong nước và các hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước bằng kết quả đàm phán chặt chẽ với các đối tác trong nước và nước ngoài.

b) Nguồn vốn đầu tư:

Vay vốn 100% từ nguồn vay trong nước và nước ngoài. Nguồn vay nước ngoài thực hiện theo tinh thần Văn bản số 3494-KTN ngày 27-6-1995 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Thời gian xây dựng và thời gian hoàn vốn đầu tư:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư 5 tháng kể từ ngày có quyết định đầu tư.
- Thời gian xây dựng 28 tháng.
- Thời gian chạy thử 2 tháng.
- Thời gian hoàn vốn đầu tư khoảng 8 năm 3 tháng kể từ khi sản xuất.

10. Các quy định khác đối với dự án:

- Chủ đầu tư được phép thuê đào tạo chuyên gia công nghệ và thuê chuyên gia chính để cùng điều hành nhà máy, được phép thuê đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật ở trong nước và ngoài nước trong tổng mức đầu tư để đủ khả năng tiếp thu chuyên gia công nghệ và tự vận hành nhà máy lâu dài.

- Các hạng mục công trình ngoài hàng rào nhà máy (đường điện từ Ninh Khánh về nhà máy, đường bộ từ Cầu Yên đi cảng Ninh Phúc) thực hiện theo Văn bản số 2378-KTN ngày 19-4-1995 của Thủ tướng Chính phủ (không tính vào tổng mức đầu tư nói trên).

- Chủ đầu tư được phép thuê tổ chức tư vấn trong và ngoài nước để kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, nhận bàn giao công trình.

Điều 2-. Tổ chức thực hiện.

Các Bộ, ngành Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của mình giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình và chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình trực tiếp chỉ đạo điều hành, triển khai đầu tư với sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương để bảo đảm mức

đầu tư và tiến độ xây dựng; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ việc chấp hành quyết định đầu tư dự án.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thương mại, Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình, Giám đốc Công ty Xi măng tỉnh Ninh Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ  
VÕ VĂN KIẾT

**CÁC BỘ**

**LIÊN BỘ**

**TÀI CHÍNH - VĂN HÓA - THÔNG TIN**

**THÔNG TƯ liên Bộ số 8-TT/LB ngày 31-1-1996 hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa.**

*Căn cứ vào Nghị định số 87-CP ngày 12-12-1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;*

*Căn cứ vào Nghị định số 88-CP ngày 14-12-1995 của Chính phủ về quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;*

*Căn cứ vào Chỉ thị số 814-TTg ngày 12-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, thiết lập trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;*

*Sau khi trao đổi ý kiến giữa các Bộ, ngành có liên quan, liên Bộ Tài chính - Văn hóa - Thông*